

Nguyệt Hoá, ngày 10 tháng 8 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: **Quý đơn vị;**

Lời đầu tiên, Bệnh viện Sản – Nhi Trà Vinh xin chân thành cảm ơn sự quan tâm của quý đơn vị. Bệnh viện Sản - Nhi Trà Vinh có nhu cầu tiếp nhận báo giá làm cơ sở xây dựng giá gói thầu, tổ chức lựa chọn nhà thầu gói thầu Thuê đơn vị thu gom, xử lý chất thải nguy hại của cụm Bệnh viện Sản – Nhi Trà Vinh

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Sản – Nhi Trà Vinh
- Địa chỉ: Khóm Bến Có, Phường Nguyệt Hoá, tỉnh Vĩnh Long

2. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Quý đơn vị gửi về Bệnh viện Sản – Nhi Trà Vinh

- Gmail: bvsnttravinh.syte@vinhlong.gov.vn và mscbvsn@gmail.com.

3. Thông tin của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Nguyễn Ngọc Diễm – Số điện thoại: 0979900369.
- Gmail: ngocdiembvsn@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ 00 phút, ngày 10/8/2026 đến trước 17 giờ 00 phút ngày 25/8/2026

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục Thuê đơn vị thu gom, xử lý chất thải nguy hại của cụm Bệnh viện Sản – Nhi Trà Vinh (Đính kèm Yêu cầu báo giá)

- Đối với Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải lây nhiễm sắc nhọn) giá báo giá không được cao hơn 21.700đ/kg (Theo Quyết định số 4029/UBND-KT)

2. Địa điểm thực hiện công việc: Bệnh viện Sản – Nhi Trà Vinh (Khóm Bến Có, Phường Nguyệt Hoá, tỉnh Vĩnh Long)

Báo giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

Xin chân thành cảm ơn! 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TTHCVCBMT

GIÁM ĐỐC



Lê Minh Dũng

**DANH MỤC THUÊ ĐƠN VỊ THU GOM, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI
CỦA CỤM BỆNH VIỆN SẢN – NHI TRÀ VINH**
(Đính kèm Yêu cầu báo giá ngày 10/8/2026)

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Đơn vị tính (kg)	Số lượng (12 tháng)	Ghi chú
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải lây nhiễm sắc nhọn).	13 01 01	Kg	50.100	Giá báo giá không được cao hơn 21.700đ/kg (Theo Quyết định số 4029/UBND- KT)
2	Hóa chất thải bao gồm có thành phần nguy hại	13 01 02	Kg	400	
3	Các thiết bị vỡ, hỏng đã qua sử dụng có chứa thủy ngân và các loại kim loại nặng	13 03 02	Kg	50	
4	Bóng đèn huỳnh quang thải bỏ	16 01 06	Kg	200	
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải (máy vận hành hệ thống xử lý nước thải, máy phát điện dự phòng, ...)	17 02 03	kg	200	
6	Dung dịch thải thuộc hiện ảnh và tráng phim gốc nước	19 01 01	kg	500	
7	Bao bì mềm, giẻ lau thải (từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị nhiễm dầu mỡ; chứa các hóa chất độc hại) thải bỏ	18 01 01	kg	40	
8	Hộp mực in thải có thành phần nguy hại	08 02 04	kg	200	
9	Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	13 01 03	kg	200	
10	Pin, ắc quy thải bỏ	16 01 12	kg	50	
11	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành nguy hại vượt ngưỡng CTNH) thải bỏ	16 01 13	kg	200	
12	Chất thải là vỏ chai thuốc, lọ thuốc, các dụng cụ dính thuốc thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	18 01 04	kg	100	
13	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	03 03 08	kg	1000	
14	Chai lọ thủy tinh		kg	50 000	
15	Nhựa composite		kg	500	